

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIA
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST

Ngày 07-8-2023

*“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Khởi

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hoàng Văn Chung

2. Bà Trần Thị Diệp

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Hoi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:* Bà Lương Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 20/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023, về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Triệu Văn T, sinh năm 1990

Số định danh cá nhân: 020090012677

HKTT: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Đàm Thị H, sinh năm 1994

Số định danh cá nhân: 020194008580

HKTT: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Đàm Văn C, sinh năm 1962, địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Triệu Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Triệu Văn T và chị Đàm Thị H được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Đăng ký kết hôn ngày 24 tháng 12 năm 2012 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc và sinh được 02 người con chung. Tuy nhiên, do kinh tế gia đình gặp khó khăn, anh Triệu Văn T cho chị Đàm Thị H đi làm công nhân công ty, từ đó phát sinh mâu thuẫn do chị Đàm Thị H có quan hệ ngoại tình và sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên anh Triệu Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Đàm Thị H.

Về con chung: Vợ chồng anh Triệu Văn T có 02 người con chung là cháu Triệu Thị Phương T1, sinh ngày 30/12/2012 và cháu Triệu Nhật T2, sinh ngày 01/9/2016. Hiện nay con chung đang do anh Triệu Văn T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục tại thôn P, xã T, huyện Bình Gia. Khi ly hôn, anh Triệu Văn T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục người hai người con chung cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Yêu cầu chị Đàm Thị H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi người con là 750.000 đồng, tổng số tiền 1.500.000 đồng / 1 tháng cho cả 2 người con chung cho đến khi từng người con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn Đàm Thị H vắng mặt, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ, niêm yết các văn bản tố tụng, thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa. Xác minh tại địa phương bố đẻ của chị Đàm Thị H là ông Đàm Văn C cho biết chị Đàm Thị H đi làm ở công ty không rõ địa chỉ từ năm 2021 không về nhà nhưng vẫn thường xuyên gọi điện thoại liên lạc với ra đình, các loại văn bản tố tụng của Tòa án gia đình ông đã nhận thay và đều thông báo cho chị Đàm Thị H biết. Do bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tổ chức được phiên Hòa giải, bị đơn không thể hiện quan điểm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia phát biểu về việc tuân theo pháp luật của của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ bảo đảm đúng quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Xác định mâu thuẫn giữa anh Triệu Văn T với chị Đàm Thị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ Điều

51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử cho Triệu Văn T với chị Đàm Thị H; Về con chung: Căn cứ các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Triệu Thị Phương T1, sinh ngày 30/12/2012 và cháu Triệu Nhật T2, sinh ngày 01/9/2016 cho anh Triệu Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành, xem xét về cấp dưỡng chị Đàm Thị H phải đóng góp tiền nuôi con chung cho mỗi người con chung là 750.000 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khẳng định không có tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên không xem xét; Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Anh Triệu Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với chị Đàm Thị H khi ly hôn. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Đàm Thị H có hộ khẩu thường trú tại Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn. Tòa án nhân dân huyện Bình Gia thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt, niêm yết công khai đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự theo quy định. Tuy nhiên, Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án đã niêm yết công khai và tổng đạt đầy đủ, hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn và người làm chứng vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người làm chứng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Triệu Văn T với chị Đàm Thị H có đăng ký kết hôn theo quy định nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Qua xác minh tại địa phương và gia đình xác nhận chị Đàm Thị H đang đi làm ăn xa, thường xuyên vắng mặt tại địa phương nhưng vẫn liên lạc qua điện thoại với gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn đến để trình bày quan điểm tạo điều kiện cho các đương sự hòa giải đoàn tụ. Tuy nhiên, dù đã được người nhà thông báo nội dung các văn bản của Tòa án nhưng chị Đàm Thị H cố tình vắng mặt thể hiện không có thiện chí đoàn tụ gia đình. Hai vợ chồng cũng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Như vậy đủ căn cứ xác định, hôn nhân giữa chị Đàm Thị H và anh Triệu Văn T thời gian sống ly thân đã lâu, hai bên không quan tâm chăm sóc nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của anh Triệu

Văn T là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[4] Về con chung: Xác định quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung là cháu Triệu Thị Phương T1, sinh ngày 30/12/2012 và cháu Triệu Nhật T2, sinh ngày 01/9/2016. Hiện nay con chung đang do anh Triệu Văn T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục tại thôn P, xã T, huyện Bình Gia chị Đàm Thị H đã không quan tâm chăm sóc con chung từ khi sống ly thân đến nay. Khi ly hôn, anh Triệu Văn T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 2 người con chung cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử thấy đây là nguyện vọng chính đáng của người cha và đảm bảo quyền lợi cho 2 cháu phù hợp với nguyện vọng của con chung và quy định của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện và các bản khai tại Tòa án anh Triệu Văn T yêu cầu chị Đàm Thị H cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000 đồng /1 tháng cho cả 2 người con chung cho đến khi từng người con đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của anh Triệu Văn T nhằm đáp ứng phần nào nhu cầu thiết yếu của con chung, phù hợp với thông tin về thu nhập tại địa phương do Ủy ban nhân dân xã T cung cấp, nên cần chấp nhận và buộc chị Đàm Thị H phải đóng góp định kỳ theo tháng cho đến khi từng người con đến tuổi trưởng thành.

[6] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Không có nên không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, anh Triệu Văn T phải chịu án phí sơ thẩm và chị Đàm Thị H phải chịu án phí đối với việc giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[8] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cơ bản là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên cần xem xét để áp dụng trong việc giải quyết vụ án.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, khoản 1 Điều 81, các Điều 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Triệu Văn T được ly hôn chị Đàm Thị H.

2. Về con chung: Giao 02 người con chung là cháu Triệu Thị Phương T1, sinh ngày 30/12/2012 và cháu Triệu Nhật T2, sinh ngày 01/9/2016 cho anh Triệu Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị Đàm Thị H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 750.000/ 1 người con, 2 người con là 1.500.000 đồng/ 1 tháng cho đến khi từng người con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời gian thực hiện việc cấp dưỡng tính từ tháng 9/2023 và chị Đàm Thị H có quyền đi lại thăm, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải trả tiền chưa trả được thì còn phải trả lãi chậm trả ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Anh Triệu Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận anh Triệu Văn T đã nộp đủ 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2021/0005647, ngày 22/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Gia.

- Chị Đàm Thị H phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

4. Anh Triệu Văn T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án, chị Đàm Thị H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bình Gia;
- Chi cục THADS huyện Bình Gia;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện B
(nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ, Tổ HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Khởi